

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2023

V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng giữa ông H và bà P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hiền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Anh Đức.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn:* Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Văn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm 1, xã Q, huyện K, tỉnh N. (Vắng mặt).

Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 9B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Đoàn Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới thì ông và bà P chung sống với nhau tại xã Q, huyện K, tỉnh N 02 năm. Năm 1995 thì chuyển về sống tại tổ 11A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Đến năm 2002 thì chuyển hộ khẩu và đến sinh sống tại tổ 9B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống. Ông H đã bỏ về quê ở xóm 1, xã Q, huyện K, tỉnh N sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông có nguyện vọng xin được không công nhận quan hệ vợ chồng với bà P.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đoàn Thị ngọc D, sinh ngày 05/6/1994 và Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/3/2000. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà P tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị P trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như ông H trình bày, bà và ông H không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán và chung sống như vợ chồng từ năm 1993. Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018 thì ông H đã về quê sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà và ông H không hề thăm hỏi, hàn gắn gì. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay ông H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà, bà nhất trí.

- Về con chung: Đúng như ông H trình bày, ông bà có 02 con chung là Đoàn Thị ngọc D, sinh ngày 05/6/1994 và Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/3/2000. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

- Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn theo quy định của Điều 28; Điều 35: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị P.

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ đến bị đơn. Đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 206 Bộ luật tố tụng Dân sự, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Căn cứ Điều 228, Điều 238 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

- *Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân*: Ông H và bà P chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Do vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông H có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị P.

- *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung là Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 05/6/1994 và Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/3/2000. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cả ông H và bà P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Ông H và bà P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về nợ chung*: Ông H và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị P.

- *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung là Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 05/6/1994 và Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/3/2000. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông H và bà P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông H và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Đoàn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002308 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Xác nhận ông H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tp Bắc Kạn;
- Chi cục THADS tp Bắc Kạn;
- UBND xã Quang Thiện
- UBND phường Đức Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hiền

